TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2026/HS-ST
Ngày 02/02/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đăng Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhiễu, ông Vàng Mí Chỏ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Hữu Toàn - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Viết Ngà - Kiểm sát viên.

Ngày 02/02/2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2025/TLST-HS, ngày 16/12/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HS ngày 16/01/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/HSST-QĐ ngày 29/01/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ly Mí Ch, sinh ngày 12/8/2002, tại xã L, tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: thôn Pó Sí, xã L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng viên: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 0022***30, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự, xã hội - Bộ Công an cấp ngày 15/05/2021; con ông Ly Vản T và bà Dinh Thị S (đều đã chết); bị cáo có 06 anh em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình; vợ: Thào Thị M (chưa đăng ký kết hôn); con: có 01 con sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 05/2025/HSST-QĐ ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang, có mặt;

2. Họ và tên: Vừ Mí L, sinh ngày 01/01/1990, tại xã L, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn H, xã L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng viên: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 0020***22, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự, xã hội - Bộ Công an cấp ngày 08/5/2021; con ông Vừ Pìa C (đã chết) và bà Giàng Thị S (đã bỏ đi khỏi nơi cư trú); bị cáo là con một trong gia đình; vợ: Ly Thị S, sinh năm 1988 (đăng ký kết hôn); chung sống như vợ chồng với chị Giàng Thị M, sinh năm 1996; con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2024, có một con sinh năm 2024 đã chết; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi

cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 06/2025/HSST-QĐ ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang, có mặt;

3. Họ và tên: Vừ Mí C, sinh ngày 09/05/2006, tại xã L, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; đảng viên: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 00220***44, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự, xã hội - Bộ Công an cấp ngày 28/6/2022; con ông Vừ Vản L, sinh năm 1986 và bà Thào Thị Ch, sinh năm 1985 (mẹ đẻ là Thào Thị Ch đã bỏ đi từ năm 2013); mẹ nuôi: bà Thào Thị K, sinh năm 1977; bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; vợ: Vàng Thị Ch, sinh năm 2006 (chưa đăng ký kết hôn, đã bỏ đi nơi khác); con: có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số 07/2025/HSST-QĐ ngày 16/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tuyên Quang, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

- *Người bào chữa cho bị cáo Vừ Mí C:* Bà Hoàng Thị Ngọc Mai – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Chi nhánh trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Vừ Mí H, sinh năm 1998; trú tại: Thôn Pó Sí, xã L, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Giàng Thị M, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

2. Chị Thào Thị M, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

3. Anh Vừ Vản L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

4. Anh Vừ Sáu S, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Hg, xã L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

5. Anh Vũ Đình Th, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

6. Chị Ly Thị S, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

7. Chị Lầu Thị S, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Ông Bùi Hữu T – Điều tra viên thuộc Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

+ *Người làm chứng:*

1. Anh Giàng Mí S, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

2. Anh Vừ Mí P, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Ch, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

3. Anh Tráng Sính N, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, không có lý do);

4. Anh Sùng Mí P, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

5. Chị Hầu Chúng M, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

+ *Người phiên dịch:* Ông Mua Mí Ch; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 21/7/2025, Vừ Mí L, sinh năm 1990, trú tại thôn H, xã L, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô chở Ly Mí Ch, sinh năm 2002, trú tại thôn P, xã L đi từ xã Đ về xã L. Trong quá trình di chuyển, Vừ Mí C, sinh năm 2006, trú tại thôn P, xã L gọi điện thoại hỏi Ch đang ở đâu. Do trước đó Ch mượn điện thoại của L gọi cho C bảo đợi L và Ch về đến rồi cùng nhau đi trộm cắp, nên Ch hẹn gặp Cáy tại khu vực ngã ba S, xã S để cùng thực hiện hành vi, được Cáy đồng ý.

Khi đến khu vực gần chợ S, Ch hỏi L có biết chỗ nào có "việc làm" không, do trước đó khoảng ba ngày, Ly Mí Ch đã bảo Vừ Mí L tìm kiếm tài sản để đi trộm cắp nên L hiểu Ch nói "có việc làm không" là trộm cắp tài sản nên nói biết ki ốt bán hàng của anh Vừ Mí H, sinh năm 1998, trú tại thôn P, xã L tại chợ S. Khoảng hơn 23 giờ cùng ngày, L chở Ch đến khu vực chợ S. Ch xuống xe, đi theo lối bậc thang lên chợ, trèo qua tường bao kiểm tra ki ốt của anh H, xác định không có người trông coi, bên ngoài có lắp camera và có dây điện dẫn vào ki ốt. Còn L điều khiển xe đến ngã ba S đón Cáy rồi cả hai quay lại khu vực gần chợ. Khi gặp nhau, Ch báo cho L và C biết là ki ốt không có người ngủ nhưng có camera, dây điện và chưa có công cụ để cắt. L đề nghị quay về nhà lấy kìm cộng lực để tiếp tục thực hiện hành vi. L điều khiển xe mô tô chở Ch và C về nhà mình lấy một chiếc kìm cộng lực, rồi quay lại chợ S.

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 22/7/2025, L, Ch và C đi vòng qua khu vực chợ bán bò đến ki ốt bán hàng của anh Vừ Mí H. Ch trèo lên tường bao trước, sau đó L và C trèo theo. Ch dùng kìm cộng lực cắt đứt dây điện dẫn vào ki ốt. Tiếp đó, C dùng kìm cắt đứt hai ổ khóa cửa ki ốt. Sau khi cắt xong, C đưa ổ khóa và kìm cho L, L ném các ổ khóa ra ngoài tường bao và cầm kìm trên tay. Sau khi phá khóa, Ch và C sử dụng ánh sáng từ điện thoại di động đi vào trong ki ốt lấy tài sản gồm mô tơ điện, máy bơm nước và các đồ vật khác mang ra ngoài giao cho L. Các tài sản này được tập kết tại khu vực gian bán hàng gần

nhà điều hành chợ. Sau đó, L, Ch và C tiếp tục quay lại ki ốt lấy thêm tài sản. Theo yêu cầu của L, Cáy bẻ camera giám sát bên ngoài ki ốt, tháo thẻ nhớ cất giữ trong người và vứt camera vào quầy tấu.

Khoảng hơn 00 giờ 10 phút cùng ngày, L dùng điện thoại gọi cho bà Giàng Thị M, sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã L hỏi bà M mua quầy tấu và được bà M đồng ý. Sau đó, L, Ch và C cho toàn bộ tài sản trộm cắp được vào các bao tải, mỗi người địu một bao tải mang ra chỗ để xe mô tô. Trên đường vận chuyển, C ném camera lên khu vực taluy dương ven đường.

Ch, L, C dùng xe mô tô vận chuyển tài sản về nhà bà Giàng Thị M để cất giấu, trong đó L vận chuyển 03 chuyến, C vận chuyển 02 chuyến, Ch vận chuyển 01 chuyến. Khi bà M hỏi về nguồn gốc tài sản, L nói là "nhặt được", bà M không biết số tài sản trên là do các bị can trộm cắp mà có. Sau đó, các bị cáo thỏa thuận bán số tài sản này cho bà M với giá 5.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền.

Sau khi vận chuyển xong, L, Ch và C tiếp tục mang bao tải quay lại chợ S để trộm cắp tiếp thì gặp anh Giàng Mí S, sinh năm 1996, trú tại thôn Giàng Sì T, xã Đ (là anh vợ của anh bị hại H) đang đi tìm tài sản nên bị phát hiện. Các bị cáo đã quay xe bỏ chạy, không thực hiện được hành vi tiếp theo.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐGTS ngày 12/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Tuyên Quang, tổng giá trị tài sản bị xâm phạm là 34.751.300 đồng, trong đó tài sản bị chiếm đoạt trị giá 32.867.300 đồng và tài sản bị hủy hoại trị giá 1.884.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã nhận dạng đúng công cụ phạm tội, các lời khai, đối chất, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên đã ra quyết định trả lại các vật chứng là tài sản của bị hại; các vật chứng còn lại hiện đang bị thu giữ, gồm:

- 01 (một) chiếc kìm cộng lực bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu đen, kích thước (45x14)cm (kìm cũ, đã qua sử dụng); 02 (hai) dây nguồn màu trắng, (dây nguồn cũ, đã qua sử dụng); 01 (một) cầu khóa bị cắt đứt, (cầu khóa cũ, đã qua sử dụng); 02 (hai) Camera nhãn hiệu Viettel, loại HC24, màu đen, trắng, (camera cũ, đã qua sử dụng); 02 (hai) chiếc ổ khóa có nhãn hiệu HUALI, màu vàng, loại 50mm và 32mm, cầu khóa đã bị cắt đứt, bị hoen rỉ, (ổ khóa cũ, đã qua sử dụng);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng bị vỡ mặt kính cường lực, mặt sau màu đỏ, có dòng chữ OPPO, bên trong có lắp sim, số seri sim: 898404800052156597, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của điện thoại, không kiểm tra chất lượng điện thoại, điện thoại cũ, đã qua sử dụng (là điện thoại của Vừ Mí L);

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh, có dòng chữ Redmi, bên trong có lắp sim, số seri sim: 8984048000336293605, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của điện

thoại, không kiểm tra chất lượng điện thoại, điện thoại cũ, đã qua sử dụng (là điện thoại của Vừ Mí C);

- 01 (một) chiếc điện thoại, màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh ánh tím, nhãn hiệu OPPO, bên trong có lắp sim, số seri sim: 898404800031286748, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của điện thoại, không kiểm tra chất lượng điện thoại, điện thoại cũ, đã qua sử dụng (là điện thoại của Ly Mí Ch);

- 01 (một) chiếc xe máy Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 23B1-397.94, xe có 01 gương lùn bên trái, tại vị trí chắn bùn phía trước bị vỡ, trên yên xe có 01 vết rách tự nhiên, xe không có hộp xích dưới, xe có 01 giá xe bằng sắt, kèm theo xe là 01 chiếc chìa khóa xe máy. Kiểm tra bên trong cốp xe không có đồ vật, tài liệu gì liên quan, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe máy, kèm theo xe là 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 039950, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 06/11/2017. Số khung: RLHJC5218CY096612, Số máy: JC52E4110082, xe máy của Vừ Mí L, (xe cũ, đã qua sử dụng);

- 01 (một) chiếc xe máy Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 23N1-018.46, xe có 01 gương lùn bên trái, trên vỏ xe máy có nhiều vết xước tự nhiên, kèm theo xe là 01 chiếc chìa khóa xe máy. Kiểm tra bên trong cốp xe máy không có đồ vật, tài liệu gì liên quan, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe máy. Số khung: RLHJC5216CY192321; số máy không có số do bị vỡ nên thay mới, xe của Vừ Mí C, (xe cũ, đã qua sử dụng);

- 01 *(một)* xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, màu xanh, BKS: 23N1-100.48 xe có 01 gương lùn bên trái, trên vỏ xe máy có nhiều vết xước tự nhiên, chiếc xe máy đã cũ, kèm theo xe là 01 chiếc chìa khóa xe máy. Kiểm tra bên trong cốp xe máy không có đồ vật, tài liệu gì liên quan, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe máy, kèm theo xe là 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006355, do Công an huyện Đ cấp ngày 27/02/2018. Số máy: JA36E0582991, số khung: RLHJA365XGY109082.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSKV8 ngày 15/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ly Mí Ch từ 09 đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án; Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vừ Mí L 09 đến 12 tháng, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng; Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 50, Điều 58, Điều 38, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí C 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; *Về*

trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản và tiền bồi thường thiệt hại, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng. Về án phí: Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền bào chữa cho các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề cập đối với các bị cáo Ch, Ly. Tuy nhiên mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Ly Mí Ch là quá nghiêm khắc, chưa cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Việc không bắt các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Ly Mí Ch được hưởng án treo. Đối với mức hình phạt bị cáo Vừ Mí L, về trách nhiệm dân sự và án phí, trợ giúp viên nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý, bà Hoàng Thị Ngọc Mai bào chữa cho bị cáo Vừ Mí C, có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo Cáy với mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Các vấn đề khác nhất trí theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại được tài sản bị trộm cắp và số tiền các bị cáo bồi thường thiệt hại là 12.000.000đồng, không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Giàng Thị M khẳng định không biết về nguồn gốc số tài sản trên là trộm cắp nên đã đồng ý mua của các bị cáo, do chưa trả tiền cho các bị cáo, chưa gây thiệt hại nên chị M không yêu cầu các bị cáo bồi thường về dân sự.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Thào Thị M là vợ của bị cáo Ly Mí Ch; chị Ly Thị S là vợ của bị cáo Vừ Mí L; ông Vũ Đình Th cùng đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 03 chiếc xe máy cho gia đình các bị cáo để sử dụng phục vụ cuộc sống.

Các bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến đối đáp, tranh luận gì thêm. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vừ Vản L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt điều tra viên Bùi Hữu T có đơn xin vắng mặt; vắng mặt người làm chứng Giàng Mí S (có đơn xin vắng mặt), và Tráng Sính N không có lý do. Xét thấy, việc vắng mặt của ông Vừ Vản L, Điều tra viên Bùi Hữu T và những người làm chứng nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các lời khai đã được thu thập hợp pháp và công bố tại phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét thấy, các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng, quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đêm ngày 21/7/2025 đến rạng sáng ngày 22/7/2025, tại ki ốt bán hàng của anh Vừ Mí H tại chợ S, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản gồm nhiều máy móc, công cụ điện và một số vật dụng khác với tổng giá trị theo kết luận định giá là 32.867.300 đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 09/CT-VKSKV8, ngày 15/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang truy tố đối với các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: "1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*"

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên vai trò, mức độ tham gia của từng bị cáo là không giống nhau, cần phân hóa trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tình tiết giảm nhẹ: Cả ba bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; các bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật hạn chế, sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với bị cáo Ly Mí Ch giữ vai trò chủ mưu, khởi xướng trong vụ án, là người chủ động rủ rê, bàn bạc và khởi xướng việc trộm cắp. Trước khi thực hiện hành vi, bị cáo đã giao bị cáo Vừ Mí L khảo sát địa điểm, tìm kiếm tài sản để thực hiện hành vi phạm tội. Trong quá trình phạm tội, bị cáo tham gia tích cực nhất, trực tiếp thám thính, dùng kìm cắt dây điện, đột nhập vào ki ốt và trực tiếp chiếm đoạt tài sản. Do đó, bị cáo Ly Mí Ch phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Mặc dù bị cáo Ly Mí Ch có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên xét vai trò chủ mưu, khởi xướng, phân công và mức độ tham gia tích cực nhất trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không đáp ứng đầy đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, do đó cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo Ch mới đảm bảo việc răn đe và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Vừ Mí L giữ vai trò là người thực hành và giúp sức tích cực, đồng thời là người chỉ địa điểm, cung cấp công cụ kìm cộng lực, phương tiện vận chuyển và tìm nơi tiêu thụ tài sản, bị cáo giữ vai trò cao hơn bị cáo Vừ Mí C, là người thực hành, trực tiếp dùng kìm cắt ổ khóa và cùng bị cáo Ch khuân vác tài sản. Xét thấy các bị cáo Vừ Mí L và Vừ Mí C có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; không giữ vai trò chủ mưu; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; xét thấy không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội, đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự. Việc không bắt các bị cáo Vừ Mí L, Vừ Mí C phải chấp hành hình phạt tù giam mà cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Xét mức đề nghị hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát đối với từng bị cáo là phù hợp, đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nên được chấp nhận.

[9] Đối với quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa đối với bị cáo Ly Mí Ch. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù bị cáo Ly Mí Ch có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo và có nơi cư trú rõ ràng như người bào chữa đã trình bày, tuy nhiên, xét về vai trò đồng phạm trong vụ án này, bị cáo Ch giữ vai trò chính, cụ thể: Bị cáo Ly Mí Ch là người hai lần chủ động rủ rê, khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội. Nếu không có sự khởi xướng của bị cáo Ch, vụ án có thể đã không xảy ra. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật và chủ ý phạm tội ngay từ đầu của bị cáo. Bên cạnh đó, bị cáo Ch còn là người trực tiếp

phân công nhiệm vụ cho bị cáo Vừ Mí L đi tìm kiếm tài sản sơ hở để trộm cắp. Điều này cho thấy bị cáo Ch có ý thức và hành vi phạm tội, có sự chuẩn bị và phân chia vai trò cho các bị cáo, điều này mang tính chất chuyên nghiệp hơn so với việc bộc phát nhất thời. Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo Ch là người giữ vai trò thám thính tình hình, cảnh giới để đảm bảo việc phạm tội trót lọt và là người tham gia tích cực nhất vào quá trình chiếm đoạt tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo: Những người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, côn đồ, tái phạm nguy hiểm... thì không được hưởng án treo. Trong vụ án này, bị cáo Ly Mí Ch đóng vai trò là người khởi xướng, phân công bị cáo Ly và thực hành tích cực, thể hiện quyết tâm phạm tội cao hơn hẳn so với các bị cáo Vừ Mí L, Vừ Mí C. Việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo như đề nghị của người bào chữa là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo, không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của người bào chữa về việc cho bị cáo Ly Mí Ch hưởng án treo. Cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

[10] Xét thấy, các bị cáo làm công việc lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Vừ Mí H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại toàn bộ tài sản và tiền bồi thường, tại phiên tòa, bị hại và người liên quan không có ai yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Về vật chứng:

[12.1] Đối với 03 chiếc điện thoại di động: Gồm 01 điện thoại OPPO (thu của Ly Mí Ch), 01 điện thoại Redmi (thu của Vừ Mí C) và 01 điện thoại OPPO (thu của Vừ Mí L). Quá trình điều tra xác định các bị cáo đã sử dụng các điện thoại này để liên lạc, hẹn địa điểm, bàn bạc việc đi trộm cắp, soi đèn khi lấy tài sản và liên lạc tìm nơi tiêu thụ. Đây là phương tiện trực tiếp dùng vào việc phạm tội còn gia trị sử dụng nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[12.2] Đối với 01 chiếc kìm cộng lực, 02 dây nguồn màu trắng, 01 cầu khóa bị cắt đứt và 02 (hai) Camera nhãn hiệu Viettel, loại HC24, màu đen, trắng, 02 chiếc ổ khóa có nhãn hiệu HUALI, màu vàng, loại 50mm và 32mm, cầu khóa đã bị cắt đứt, bị hoen rỉ là các vật chứng, công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên tịch thu tiêu hủy.

[12.3] Đối với 03 thẻ sim điện thoại thu giữ của các bị cáo (chi tiết số seri như hồ sơ vụ án). Xét thấy, đây là các sim được các bị cáo sử dụng để liên lạc trong vụ án. Về mặt pháp lý, theo quy định của Luật Viễn thông, số thuê bao là

tài nguyên viễn thông do Nhà nước thống nhất quản lý; thẻ sim vật lý chỉ là vật mang tin gắn với thiết bị đầu cuối. Trong trường hợp này, các thẻ sim đã ngắt quãng quá trình sử dụng do các bị cáo bị tạm giữ, xét về giá trị vật chất của thẻ sim không còn giá trị sử dụng thực tế. Việc tịch thu tiêu hủy các thẻ sim vật lý này là phù hợp với quy định, đồng thời không làm ảnh hưởng đến công tác quản lý kho số viễn thông của cơ quan chức năng, việc thu hồi hay cấp lại số thuê bao sẽ được thực hiện theo quy trình của nhà mạng. Vì vậy, HĐXX cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ các thẻ sim vật lý nói trên."

[12.4] Đối với các tài sản 01 xe máy Honda Wave, BKS 23B1-397.94 (thu của Vừ Mí L); 01 xe máy Honda Wave, BKS 23N1-018.46 (thu của Vừ Mí C) và 01 xe máy Honda Blade, BKS 23N1-100.48 (thu của Ly Mí Ch). Xét thấy, mặc dù các bị cáo sử dụng xe máy để vận chuyển tài sản trộm cắp, nhưng đây là phương tiện đi lại duy nhất, là tài sản chung của gia đình các bị cáo là vợ, người thân cùng sử dụng. Việc tịch thu sẽ gây ảnh hưởng quá mức đến đời sống sinh hoạt của những người thân trong gia đình vốn thuộc diện hộ nghèo, khó khăn tại vùng sâu vùng xa. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải tịch thu mà nên trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đại diện gia đình các bị cáo để phục vụ đời sống, lao động sản xuất sau khi đã giáo dục, răn đe.

[12.5] Đối với tài sản Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang đã trả lại toàn bộ số máy móc, công cụ trộm cắp được cho anh Vừ Mí H là đúng quy định pháp luật. Anh H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Xét hành vi của bà Giàng Thị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa, có căn cứ xác định khi các bị cáo mang tài sản đến, bà M đã chủ động hỏi rõ nguồn gốc tài sản. Các bị cáo khai báo tài sản là "nhặt được", không thông báo và cũng không bàn bạc trước với bà M về việc tài sản do trộm cắp mà có. Pháp luật hình sự quy định tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự đòi hỏi người thực hiện phải biết rõ tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Trong trường hợp này, ngoài lời khai của các bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà Giàng Thị M biết hoặc buộc phải biết số tài sản trên là do phạm tội mà có; giá trị, chủng loại tài sản không có dấu hiệu bất thường so với giao dịch dân sự thông thường tại địa phương; việc bà M tự nguyện giao nộp tài sản được thực hiện mà không bị áp dụng bất kỳ biện pháp cưỡng chế nào. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra không đủ căn cứ để xử lý bà Giàng Thị M về hành vi tiêu thụ tài sản hoặc chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có là đúng quy định pháp luật, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[14] Xét thấy, hành vi cắt khóa, bẻ camera là phương thức, thủ đoạn nhằm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; giá trị thiệt hại xác định là 1.884.000 đồng, dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự; các bị cáo không có tiền án, tiền sự về hành vi này, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang tách ra xử lý hành chính là đúng pháp luật, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[15] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C theo quy định.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ly Mí Ch 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí L 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí C 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo Vừ Mí L, Vừ Mí C cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Tịch tiêu hủy 01 chiếc kìm cộng lực bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu đen, kích thước (45x14)cm (kìm cũ, đã qua sử dụng); 02 dây nguồn màu trắng, (dây nguồn cũ, đã qua sử dụng); 01 cầu khóa bị cắt đứt, (cầu khóa cũ, đã qua sử dụng); 02 Camera nhãn hiệu Viettel, loại HC24, màu đen, trắng, (camera cũ, đã qua sử dụng); 02 chiếc ổ khóa có nhãn hiệu HUALI, màu vàng, loại 50mm và 32mm, cầu khóa đã bị cắt đứt, bị hoen rỉ, (ổ khóa cũ, đã qua sử dụng); 01 sim điện thoại, số seri sim: 8984048000521565 97, sim lắp trong điện thoại nhãn hiệu OPPO của Vừ Mí L đang bị thu giữ; 01 sim điện thoại, số seri sim: 8984048000336293605, sim lắp trong điện thoại Redmi của Vừ Mí C;

01 sim, số seri sim: 898404800031286748, sim lắp bên trong điện thoại nhãn hiệu OPPO của Ly Mí Ch.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng bị vỡ mặt kính cường lực, mặt sau màu đỏ, có dòng chữ OPPO, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của điện thoại, không kiểm tra chất lượng điện thoại, điện thoại của Vừ Mí L, (điện thoại cũ, đã qua sử dụng); 01 chiếc điện thoại di động, màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh, có dòng chữ Redmi, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của điện thoại, không kiểm tra chất lượng điện thoại, điện thoại của Vừ Mí C, (điện thoại cũ, đã qua sử dụng); 01 chiếc điện thoại, màn hình cảm ứng, mặt sau màu xanh ánh tím, nhãn hiệu OPPO, không tiến hành kiểm tra tình trạng hoạt động của điện thoại, không kiểm tra chất lượng điện thoại, điện thoại của Ly Mí Ch, (điện thoại cũ, đã qua sử dụng);

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Trả lại cho chị Ly Thị S, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn H, xã L, tỉnh Tuyên Quang: 01 chiếc xe máy Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 23B1-397.94, xe có 01 gương lùn bên trái, tại vị trí chắn bùn phía trước bị vỡ, trên yên xe có 01 vết rách tự nhiên, xe không có hộp xích dưới, xe có 01 giá xe bằng sắt, kèm theo xe là 01 chiếc chìa khóa xe máy. Kiểm tra bên trong cốp xe không có đồ vật, tài liệu gì liên quan, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe máy, kèm theo xe là 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 039950, do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 06/11/2017. Số khung: RLHJC5218CY096612, Số máy: JC52E4110082, xe cũ, đã qua sử dụng (xe máy thu của Vừ Mí L);

+ Trả lại cho ông Vừ Vản L, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang: 01 chiếc xe máy Honda Wave, màu đỏ, biển kiểm soát 23N1-018.46, xe có 01 gương lùn bên trái, trên vỏ xe máy có nhiều vết xước tự nhiên, kèm theo xe là 01 chiếc chìa khóa xe máy. Kiểm tra bên trong cốp xe máy không có đồ vật, tài liệu gì liên quan, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe máy. Số khung: RLHJC5216CY192321; số máy không có số do bị vỡ nên thay mới, xe cũ, đã qua sử dụng (xe thu của Vừ Mí C);

+ Trả lại cho chị Thào Thị M, sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn P, xã L, tỉnh Tuyên Quang: 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, màu xanh, BKS: 23N1-100.48, xe có 01 gương lùn bên trái, trên vỏ xe máy có nhiều vết xước tự nhiên, xe không có hộp xích, kèm theo xe là 01 chiếc chìa khóa xe máy. Kiểm tra bên trong cốp xe máy không có đồ vật, tài liệu gì liên quan, không kiểm tra tình trạng hoạt động của xe máy, kèm theo xe là 01 chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 006355, do Công an huyện Đồng Văn cấp ngày 27/02/2018. Số máy: JA36E0582991, số khung: RLHJA365XGY109082, xe cũ, đã qua sử dụng, (xe thu của Ly Mí Ch);

(Tình trạng các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 16/12/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Tuyên Quang).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Ly Mí Ch, Vừ Mí L, Vừ Mí C.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về điều kiện thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa Hình sự TAND T TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng PC 10, PV 06 CA T TQ;
- CQCSĐT CA T TQ;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã L, tỉnh Tuyên Quang
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Văn Tình

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tiến Dũng **Lương Thị Nhiễu** **Đặng Văn Tình**